

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Diệu H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Đ

2. Bà Lê Thị N

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 93/2013/TLST-DS, ngày 31 tháng 7 năm 2013.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn C – sinh năm 1972;

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị K – sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: ấp 4, xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Châu Kim Ph –
Thuộc văn phòng luật sư Châu Kim Phước.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn B – sinh năm 1940;

Địa chỉ: ấp 4, xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị L – 64 tuổi; Chị Trần Thị H - sinh năm 1976; Ông Trần Văn L – sinh năm 1969; Anh Phạm Văn D – sinh năm 1973; Bà Phạm Huỳnh N – sinh năm 1969; Bà Phạm Thị M – sinh năm 1963;

Bà Phạm Thị Ph – sinh năm 1966; Chị Trần Thị Thùy N – sinh năm 1989; Anh

Trần Phú Nhuận – sinh năm 1993; Chị Trần Phạm Phương T– sinh năm 2003 (Ông Trần Văn L là người giám hộ), (Ông Trần Văn L là người đại diện theo ủy quyền của Phạm Thị P, Trần Thị Thùy N, Trần Phú Nhuận và Trần Phạm Phương Thảo).

Trần Thị N – sinh năm 1945; Anh Trần Văn C – sinh năm 1987 (Ông Trần Văn B là người đại diện theo ủy quyền của bà N và anh C).

Cùng địa chỉ: ấp 4, xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Bà Phương Kim H – sinh năm 1951;

Địa chỉ: Đề Thám, phường An Cư, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Trần Văn B, anh Trần Văn C cùng tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thừa nhận quyền sử dụng đất thửa 174, tờ bản đồ số VI, diện tích 5.450m² bà Phạm Thị T đứng tên trên giấy chứng nhận QSDĐ là di sản thừa kế của ông Trần Văn C, bà Phạm Thị T chết để lại chưa phân chia.

Những người có quyền thừa kế theo pháp luật bao gồm: Bà Trần Thị L, anh Phạm Văn D, Phạm Huỳnh N, Phạm Thị M đều từ chối, không yêu cầu chia sản; còn lại anh Trần Văn C và ông Trần Văn B tự thỏa thuận phân chia như sau:

Thửa đất số 174, tờ bản đồ số VI, diện tích 5.450m² đo đạc thực tế theo Tờ trích đo địa chính số TĐ 170-2017, ngày 23/10/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Gò Quao là 4.583,2m² (có trừ bờ kênh và hành lang công cộng), bà Phạm Thị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A027200, ông Trần Văn B đang giữ giấy chứng nhận QSDĐ. Do thửa đất 174 giáp ranh với thửa đất 172 của ông B nên anh C và ông B thỏa thuận định vị lại vị trí ranh giới và giao sử dụng theo diện tích là:

- Giao cho anh Trần Văn C được sử dụng diện tích đất thổ lâu năm, tính luôn cả bờ kênh và hành lang lộ nông thôn tương đương 2.255m² (có 300m đất ONT) thuộc thửa số 174, tờ bản đồ số VI cùng với căn nhà và toàn bộ cây trồng vật kiến trúc trên đất, có các cạnh như sau:

+ Vị trí 1: Cạnh giáp Kênh Ông Giềo R:23m, đo từ mé Kênh Thủy Lợi (không trừ bờ kênh) đo qua tới giáp đất ông B (do anh Trần Văn L đang sử dụng) là 30m;

+ Vị trí 2: Cạnh giáp Kênh Thủy Lợi R:11m, đo từ mé lộ xi măng đo vô tới giáp phần còn lại của thửa đất 174 do ông B đang sử dụng là 82m;

+ Vị trí 3: Cạnh giáp đất còn lại của thửa 174 do ông Bích sử dụng (trong hậu), đo từ mé Kênh Thủy Lợi (không trừ bờ kênh) đo qua tới giáp thửa 172 của ông B là 25m;

+ Vị trí 4: Cạnh còn lại giáp thửa 172 của ông B (do anh L sử dụng đầu ngoài), đo từ mé lộ xi măng đo vô là 82m (cạnh này nối từ vị trí 1, giáp đất anh L đang sử dụng kéo theo đường dài vô tới trong hậu ở vị trí 3, giáp ông B, không còn gấp khúc như trên sơ đồ địa chính giáp ranh giữa hai thửa 172 và 174).

Ông Trần Văn B tự nguyện giao thêm cho anh Trần Văn C phần đất còn thiếu so với thực tế anh C đang sử dụng, giao đủ theo diện tích và vị trí các cạnh nêu trên. Đồng thời, hai bên tiến hành đến cơ quan có thẩm quyền lập thủ tục phân chia thừa kế quyền sử dụng đất cho anh C ngay khi quyết định có hiệu lực pháp luật. Trường hợp ông Trần Văn B không thực hiện việc lập thủ tục phân chia thừa kế theo thỏa thuận thì anh C được quyền tự đăng ký, hoàn tất thủ tục thừa kế tại cơ quan có thẩm quyền theo quyết định này.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Gò Quao, điều chỉnh diện tích, ranh giới quyền sử dụng đất theo sự thỏa thuận của các bên trong quyết định này, trên cơ sở phù hợp qui định của pháp luật về đất đai khi đương sự có yêu cầu.

- Phần còn lại của thửa 174 thuộc quyền sử dụng của ông Trần Văn B, ông B tự thực hiện việc hoàn tất thủ tục thừa kế đất theo qui định, không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này.

- Đối với thửa đất còn lại của bà Phạm Thị T là thửa số 439, tờ bản đồ số VI, tất cả các bên đều thừa nhận bà T đã tặng cho chị Trần Thị H lúc còn sống nên không có tranh chấp gì, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí dân sự có giá ngạch: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh Trần văn C do anh là con của liệt sĩ.

Anh Trần Văn C được nhận lại số tiền 2.300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 08727, ngày 31/7/2013 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao.

* Về chi phí tố tụng: Anh Trần Văn C tự nguyện chịu nộp các khoản chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá đất và đã thực hiện xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Diệu Hiền